

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



ĐÀO HỒNG HẠNH

**PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT RỦI RO TRONG
HOẠT ĐỘNG CHO VAY, QUA THỰC TIỄN TẠI
NGÂN HÀNG BIDV**

Ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2023

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Nguyễn Thị Thuận**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài	2
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	2
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	3
6. Những đóng góp của Luận văn.....	4
7. Bố cục của Luận văn.....	4
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CỦA PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	6
1.1. Khái quát về kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại.	6
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại	6
1.1.2. Khái niệm và sự cần thiết kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại	6
1.2. Khái quát pháp luật về kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại	7
1.2.1. Khái niệm pháp luật về kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay của ngân hàng	7
1.2.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại.	7
1.2.3. Vai trò của pháp luật về kiểm soát rủi ro trong cho vay của NHTM.	7
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI NGÂN HÀNG BIDV VIỆT NAM	9
2.1. Thực trạng pháp luật Việt Nam về kiểm soát rủi ro cho vay	9
2.1.1. Các quy định về tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của các NHTM.	9
2.1.2. Quy định pháp luật về các biện pháp kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại ở Việt Nam	9
2.1.3. Quy định về phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro trong cho vay.....	11
2.1.4. Quy định về kiểm tra kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ hoạt động cho vay của ngân hàng.....	11
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về kiểm soát rủi ro trong cho vay tại ngân hàng BIDV	12
2.2.1. Thực trạng rủi ro trong cho vay và kiểm soát rủi ro trong cho vay của ngân hàng BIDV	12

2.2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về kiểm soát rủi ro tại ngân hàng BIDV ...	12
2.2.3. Đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về kiểm soát rủi ro tại ngân hàng BIDV	13
2.2.4. Nguyên nhân rủi ro trong hoạt động cho vay của ngân hàng	14
CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TẠI VIỆT NAM.....	15
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật cho vay của ngân hàng thương mại và các biện kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay ở Việt Nam	15
3.1.1. Xuất phát từ yêu cầu cần mở rộng, nâng cao hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại tại Việt Nam.....	15
3.1.2. Xuất phát từ xu thế hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	15
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về các biện pháp kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại	15
3.2.1. Hoàn thiện pháp luật về biện pháp bảo đảm trong hoạt động cho vay.....	15
3.2.2. Hoàn thiện pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm tiền vay tại các Ngân hàng thương mại	16
3.2.3. Hoàn thiện pháp luật về phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro ..	17
3.2.4. Hoàn thiện các qui định về kiểm soát, kiểm toán nội bộ	18
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về kiểm soát rủi ro trong cho vay của ngân hàng thương mại.....	18
KẾT LUẬN	20

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Thời gian vừa qua, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, nhiều khách hàng lâm vào tình trạng khó khăn hoạt động cho vay của ngân hàng gần như đóng băng, nhiều khoản nợ đã chuyển nợ xấu. Ngân hàng Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ cho khách hàng vay vốn bao gồm: Qui định về cơ cấu thời hạn trả nợ, giảm lãi suất vay ngân hàng, Do đó, phát triển kinh doanh và kiểm soát rủi ro là đòi hỏi cấp thiết và quan trọng đối với ngân hàng BIDV trong thời điểm hiện tại, chỉ khi kiểm soát được rủi ro ngân hàng BIDV mới thực sự phát triển và kinh doanh có hiệu quả, tạo sự ổn định cho nền kinh tế. Việc nghiên cứu các quy định pháp luật về kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay, nhằm giúp các ngân hàng thương mại hiểu hơn các quy định của pháp luật, thực hiện và tuân thủ đúng, từ đó áp dụng đối với ngân hàng thương mại của mình, kiểm soát tối đa các rủi ro xảy ra, đồng thời cũng chỉ ra được các vướng mắc, các quy định chưa thực sự hợp lý nhằm hoàn thiện pháp luật, nâng cao tính an toàn và linh hoạt trong hoạt động kinh doanh hiện nay.

Nghiên cứu về rủi ro trong hoạt động cho vay và kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay theo pháp luật Việt Nam sẽ giúp ngân hàng BIDV nâng cao được năng lực quản lý rủi ro của mình và góp phần hoàn thiện pháp luật về kiểm soát rủi ro đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển kinh tế. Vì vậy, tôi đã chọn đề tài "***Pháp luật về kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay, qua thực tiễn tại ngân hàng BIDV***" làm đề tài luận văn tốt nghiệp thạc sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

3.1. Mục đích nghiên cứu đề tài

Mục tiêu của luận văn là cung cấp các nội dung khoa học để đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật hiện hành về kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay tại các NHTM.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

Để hoàn thành mục đích nghiên cứu, Luận văn có các nhiệm vụ cơ bản sau đây:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận về rủi ro và kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam, pháp luật về vấn đề này.

- Phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về kiểm soát rủi ro và thực tiễn trong hoạt động cho vay tại ngân hàng BIDV, trên cơ sở đó tìm ra những bất cập, kiểm soát của pháp luật.

- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam và cụ thể là ngân hàng BIDV.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Rủi ro và kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay của các NHTM; các quy định của pháp luật về kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại ở Việt Nam và thực tiễn thực thi các quy định này

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn có phạm vi nghiên cứu như sau:

Một là, về nội dung nghiên cứu: Luận văn chủ yếu nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam về kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay của các ngân hàng thương mại

Hai là, về địa bàn nghiên cứu: Thực tiễn thực hiện tại ngân hàng BIDV.

Ba là, về thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu thực tiễn áp pháp luật Việt Nam về kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay của ngân hàng BIDV giai đoạn 2019 - 2021.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; đường lối, chính sách phát triển kinh tế của Đảng Cộng sản Việt Nam., đường lối lãnh đạo của Đảng và chính sách pháp luật Việt Nam về kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay của ngân hàng

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Để triển khai các nội dung nghiên cứu, Luận văn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu sau đây:

Phương pháp phân tích, tổng hợp được thực hiện xuyên suốt luận văn là xem xét và giải quyết các vấn đề có liên quan trong mối liên hệ, trong trạng thái vận động và phát triển. Thực trạng hoạt động cũng như những mặt hạn chế trong việc quản trị rủi ro của các Ngân hàng BIDV được phân tích, đánh giá, có gắn với việc nghiên cứu hoàn cảnh và điều kiện của nền kinh tế nước ta. Bên cạnh đó, một số phương pháp khác cũng được sử dụng trong luận văn như phương pháp nghiên cứu dữ liệu thứ cấp và phương pháp nghiên cứu dữ liệu sơ cấp.

Phương pháp nghiên cứu dữ liệu được sử dụng để nghiên cứu những vấn đề cơ bản về quản trị rủi ro. Dữ liệu được thu thập chủ yếu từ sách báo, từ các tổ chức, thông tin thương mại, được dùng làm căn cứ đánh giá hoạt động của các Ngân hàng BIDV, từ đó đưa ra hệ thống giải pháp ở phần sau.

Phương pháp đánh giá, bình luận cũng được sử dụng trong Luận văn nhằm thể hiện quan điểm của người viết.

6. Những đóng góp của Luận văn

6.1. Ý nghĩa khoa học của Luận văn

Luận văn là công trình khoa học nghiên cứu lý luận pháp luật về kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay của Ngân hàng BIDV. Do đó, luận văn sẽ là tài liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu, giảng viên, học viên, sinh viên và các Ngân hàng thương mại nói chung và Ngân hàng BIDV nói riêng

6.2. Ý nghĩa thực tiễn của Luận văn

Luận văn đưa ra những kiến nghị để hoàn thiện hệ thống pháp luật về kiểm soát rủi ro, đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế, do đó, đây cũng là tài liệu tham khảo cho các nhà lập pháp.

Kết quả phân tích các mặt hoạt động cũng như cách thức quản trị rủi ro đang diễn ra tại các Ngân hàng BIDV được nêu lên trong luận văn phản ánh đúng thực tế đang diễn ra. Các giải pháp được đưa ra cũng dựa trên sự phân tích này, vì vậy, có thể nghiên cứu áp dụng cho từng chủ thể trong nền kinh tế, giúp cho các Ngân hàng này, đặc biệt là các Ngân hàng có qui mô tương đối nhỏ có thể nhận ra các rủi ro đang tồn tại và khắc phục để hoạt động ngân hàng trong nền kinh tế ngày càng an toàn, lành mạnh, tạo được lợi thế cạnh tranh trong nền kinh tế hội nhập

7. Bố cục của Luận văn

Luận văn gồm có phần Mở đầu, Nội dung và Danh mục tài liệu tham khảo; trong đó nội dung của Luận văn được bố cục thành ba chương như sau:

Luận văn gồm có phần Mở đầu, Nội dung và Danh mục tài liệu tham khảo; trong đó nội dung của Luận văn được bố cục thành ba chương như sau:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận của pháp luật về kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại

Chương 2: Thực trạng pháp luật về kiểm soát rủi ro và thực tiễn thực hiện tại ngân hàng BIDV Việt Nam

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại tại Việt Nam.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CỦA PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. Khái quát về kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại.

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại

a. Khái niệm về rủi ro

“Rủi ro trong hoạt động cho vay của ngân hàng là tổn thất có khả năng xảy ra đối với nợ của tổ chức tín dụng, Ngân hàng ngân hàng nước ngoài do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết”

b. Một số đặc điểm của rủi ro trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại

c. Phân loại rủi ro trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại

- Rủi ro giao dịch

- Rủi ro danh mục

1.1.2. Khái niệm và sự cần thiết kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại

1.1.2.1. Khái niệm

Kiểm soát rủi ro: hiểu một cách đơn giản chính là quá trình các NHTM áp dụng các nguyên lý, các phương pháp và kinh nghiệm quản trị kinh doanh của mình để xác định, định lượng, quản lý và kiểm soát rủi ro.

1.1.2.2. Sự cần thiết phải kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại

- Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền
- Bảo vệ sự an toàn và ổn định hệ thống ngân hàng
- Thực hiện quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng

1.2. Khái quát pháp luật về kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại

1.2.1. Khái niệm pháp luật về kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay của ngân hàng

Theo đó, “*Pháp luật về hoạt động kiểm soát rủi ro cho vay của ngân hàng thương mại được hiểu là tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình ngân hàng thương mại cấp tín dụng cho khách hàng thông qua nghiệp vụ cho vay. Hình thức pháp lý của hoạt động cho vay được thể hiện chủ yếu trong hợp đồng tín dụng với những nội dung quan trọng trong việc tạo lập hành lang pháp lý an toàn cho sự phát triển của hoạt động này*”.

1.2.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại.

Nhóm 1. Quy định pháp luật và tỷ lệ an toàn vốn đối với Ngân hàng

Nhóm 2. Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng thương mại

1.2.3. Vai trò của pháp luật về kiểm soát rủi ro trong cho vay của NHTM

a. Đối với các Ngân hàng thương mại nói chung và Ngân hàng BIDV nói riêng:

Pháp luật là công cụ rất hữu hiệu nâng cao vai trò, trách nhiệm của các NHTM trong việc kiểm soát rủi ro.

Pháp luật tạo ra những đảm bảo cho việc thực hiện các biện pháp kiểm soát rủi ro hiệu quả, ngăn ngừa các NHTM làm ăn mạo hiểm.

Pháp luật là hệ thống cảnh báo sớm để các NHTM nhận thức và chấp nhận rủi ro, trên cơ sở đó quản trị rủi ro hiệu quả

b. Đối với nền kinh tế nói chung:

Pháp luật về kiểm soát rủi ro góp phần thực hiện mục tiêu an toàn và lành mạnh của hệ thống ngân hàng.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI NGÂN HÀNG BIDV VIỆT NAM

2.1. Thực trạng pháp luật Việt Nam về kiểm soát rủi ro cho vay

2.1.1. Các quy định về tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của các *NHTM*

2.1.1.1. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu

2.1.1.2. Giới hạn cho vay đối với khách hàng

2.1.1.3. Tỷ lệ khả năng chi trả

2.1.1.4. Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay
trung hạn và dài hạn

2.1.1.5. Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi

2.1.1.6. Các giới hạn về góp vốn, mua cổ phần

2.1.2. Quy định pháp luật về các biện pháp kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại ở Việt Nam

- **Các đối tượng cấm và hạn chế trong hoạt động cho vay của ngân
hàng thương mại**

Theo quy định tại Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì:

✓ Tổ chức tín dụng, Ngân hàng ngân hàng nước ngoài không được cấp
tín dụng đối với những tổ chức, cá nhân sau đây:

✓ Cha, mẹ, vợ, chồng, con của thành viên Hội đồng quản trị, thành
viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám
đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương
[12, Điều 126].

✓ Bên cạnh đó, theo quy định tại Điều 127 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định về Hạn chế cấp tín dụng thì:

- ***Tuân thủ các nguyên tắc vay vốn***

Nguyên tắc vay vốn phải được quán triệt trong suốt quá trình cho vay “*Khách hàng vay vốn của tổ chức tín dụng phải đảm bảo: Sử dụng vốn vay đúng mục đích đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng; Hoàn trả nợ gốc và lãi vốn vay đúng thời hạn đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng*” [7, Điều 6]. Và Ngân hàng thương mại tự chịu trách nhiệm về quyết định trong cho vay của mình. Không một tổ chức, cá nhân nào được can thiệp trái pháp luật vào quyền tự chủ trong quá trình cho vay và thu hồi nợ của Ngân hàng thương mại.

- ***Chăm dứt cho vay và thu hồi nợ***

Kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay, pháp luật quy định quyền chăm dứt việc cho vay, xử lý tài sản đảm bảo, thu hồi nợ của Ngân hàng thương mại trước thời hạn trong hợp đồng khi khách hàng vi phạm những cam kết trong hợp đồng tín dụng.

- ***Biện pháp kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại***

- Theo quy định tại Điều 130, Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, về tỷ lệ kiểm soát rủi ro và dự phòng rủi ro như sau:

- Tổ chức tín dụng, Ngân hàng ngân hàng nước ngoài phải duy trì các tỷ lệ kiểm soát rủi ro sau đây:

- Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 8% hoặc tỷ lệ cao hơn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;

- Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn;

- Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có; đ) Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi;

- Các tỷ lệ tiền gửi trung, dài hạn so với tổng dư nợ cho vay trung, dài hạn.
- Ngân hàng thương mại, Ngân hàng ngân hàng nước ngoài tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia phải nắm giữ số lượng tối thiểu giấy tờ có giá được phép cầm cố theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ (12, Điều 130).

2.1.3. Quy định về phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro trong cho vay

Phân loại nợ và trích lập dự phòng là việc NHTM thực hiện phân loại các khoản nợ cho vay vào nhóm thích hợp trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro trong cho vay để thực hiện trích lập dự phòng cho các khoản rủi ro phát sinh trong quá trình cho vay. Mục đích của việc phân loại nợ, trích lập dự phòng là để NHTM và NHNN giám sát chất lượng tín dụng, đồng thời đảm bảo NHTM có nguồn vốn cho việc xử lý các rủi ro trong hoạt động cho vay phát sinh. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro thực chất là hoạt động nghiệp vụ tín dụng của NHTM trong quá trình quản trị rủi ro trong cho vay. Quy định hiện hành về phân loại nợ và trích lập dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng là Thông tư 02/2013/TT-NHNN và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18/3/2014 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2013/TT-NHNN.

2.1.4. Quy định về kiểm tra kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ hoạt động cho vay của ngân hàng

Theo Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 của Ngân hàng Nhà nước “Hệ thống kiểm soát nội bộ (KSNB) là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của ngân hàng thương mại (NHTM), Ngân hàng ngân hàng nước ngoài được xây dựng phù hợp với quy

định tại Luật các tổ chức tín dụng, Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan và được tổ chức thực hiện nhằm kiểm soát, phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra. Hệ thống KSNB thực hiện giám sát của quản lý cấp cao, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn và kiểm toán nội bộ”.

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về kiểm soát rủi ro trong cho vay tại ngân hàng BIDV

2.2.1. Thực trạng rủi ro trong cho vay và kiểm soát rủi ro trong cho vay của ngân hàng BIDV

a. Thực trạng rủi ro trong cho vay của Ngân hàng BIDV

Có thể thấy rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngân hàng là đáng báo động thể hiện ở sự gia tăng nợ xấu ở Ngân hàng BIDV, các vụ án kinh tế có liên quan đến lĩnh vực hoạt động ngân hàng, rủi ro tiềm ẩn (rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động...) có nguy cơ bùng phát. Điều này cho thấy công tác kiểm soát rủi ro của các ngân hàng thương mại trong thời gian qua chưa đạt hiệu quả, rủi ro trong cho vay của Ngân hàng BIDV

b. Thực trạng kiểm soát rủi ro tại Ngân hàng BIDV tại Việt Nam

Thực tế của Ngân hàng BIDV Việt Nam là đến 70-80% thu nhập của Ngân hàng BIDV là từ hoạt động trong cho vay của Ngân hàng BIDV

2.2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về kiểm soát rủi ro tại ngân hàng BIDV

2.2.2.1. Thực hiện quy định về đảm bảo an toàn

Nhà nước cần ban hành văn bản pháp luật để tạo hành lang pháp lý cho các chủ thể có thể tiếp cận được thông tin về khách hàng cũng như nhóm khách hàng, trên cơ sở đó xác định được đối tượng nào bị cấm cho vay và đối tượng nào bị kiểm soát cho vay hoặc không thuộc các trường hợp trên, từ đó giảm thiểu rủi ro tín dụng ngân hàng.

2.2.2.2. Thực hiện quy định pháp luật về các biện pháp kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay

a. Thực hiện quy định về phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro

Tại BIDV từ ngày 1/10/2021, Thông tư 11/2021/TT-NHNN về phân loại tài sản có và trích lập dự phòng rủi ro, sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (BIDV) có hiệu lực. Thì ngân hàng BIDV thực hiện tỷ lệ trích lập dự phòng đối với từng nhóm, cụ thể đối với nhóm nợ tiêu chuẩn không phải trích lập, nợ cần chú ý trích lập 5%, nợ dưới chuẩn trích lập 20%, nợ nghi ngờ trích lập 50% và nợ có khả năng mất vốn trích lập 100%.

b. Thực hiện kiểm soát nội bộ

Một là, Kiểm tra, kiểm soát kết quả hoạt động tín dụng tại BIDV Việt Nam. Để thực hiện đánh giá kết quả của hoạt động tín dụng kiểm soát viên nội bộ xem xét dựa vào yếu tố: tổng dư nợ, và chất lượng tín dụng.

Hai là, kiểm tra mô hình tổ chức, chức năng nhiệm vụ, phạm vi hoạt động của các phòng ban liên quan; các thay đổi trong hoạt động tín dụng; kiểm tra việc bố trí cán bộ tín dụng tại BIDV Việt Nam

Ba là, kiểm soát trật tự kỷ cương điều hành tại BIDV Việt Nam

2.2.3. Đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về kiểm soát rủi ro tại ngân hàng BIDV

2.2.3.1. Kết quả đạt được

2.2.3.2. Những hạn chế còn tồn tại

- Về tuân thủ Thông tư 11/2021/TT-NHNN quy định về việc phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro trong cho vay của NHTM trong hoạt động ngân hàng của Ngân hàng thương mại nói chung và Ngân hàng BIDV nói riêng.

- Về tuân thủ Luật các tổ chức tín dụng 2010 đối với ban hành chế độ báo cáo tài chính đối với các Ngân hàng thương mại nói chung và Ngân hàng BIDV nói riêng.

2.2.4. Nguyên nhân rủi ro trong hoạt động cho vay của ngân hàng

Một là, về thông báo xử lý tài sản bảo đảm chưa có quy định cụ thể về thời hạn “hợp lý” này vì vậy dẫn đến tình trạng khó phát mại TSBĐ để thu hồi nợ cho Ngân hàng BIDV Việt Nam hiện nay.

Hai là, thiếu các quy định cần thiết nhằm hỗ trợ và thúc đẩy bên nhận bảo đảm thực thi quyền thu giữ tài sản bảo đảm để xử lý.

Ba là, thủ tục xử lý tài sản thế chấp bằng con đường khởi kiện tại Tòa án không phải thủ tục rút gọn

Bốn là, quy định về xử lý tài sản bảo đảm của các khoản nợ xấu chưa rõ ràng, hợp lý.

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TẠI VIỆT NAM

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật cho vay của ngân hàng thương mại và các biện pháp kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay ở Việt Nam

3.1.1. Xuất phát từ yêu cầu cần mở rộng, nâng cao hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại tại Việt Nam

- *Ngân hàng thương mại là cầu nối giữa doanh nghiệp với thị trường*
- *Ngân hàng thương mại là công cụ để nhà nước điều tiết vĩ mô nền kinh tế*
- *Ngân hàng thương mại là cầu nối nền tài chính quốc gia với nền tài chính quốc tế*

3.1.2. Xuất phát từ xu thế hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về các biện pháp kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại

3.2.1. Hoàn thiện pháp luật về biện pháp bảo đảm trong hoạt động cho vay

- *Hoàn thiện các quy định về biện pháp bảo đảm*

Thứ nhất, sửa đổi các quy định về cầm cố tài sản.

Thứ hai, Bộ luật Dân sự 2015 cần bổ sung Điều luật liên quan đến quyền tài sản để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ dân sự.

Thứ ba, về định giá tài sản bảo đảm tiền vay là bất động sản. Cần thống nhất cơ sở xác định giá bất động sản theo hướng hình thành những căn cứ

nhất định, chứ không để xác định một cách “tràn lan”.

Hoàn thiện các quy định của pháp luật liên quan đến các Giao dịch đảm bảo

Cần có sự thống nhất trong các quy định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc đề ra các hình thức thực hiện giao dịch đảm bảo một cách cụ thể, thống nhất, tránh chồng chéo giữa hai văn bản khác nhau nhưng quy định chung về một vấn đề gây không ít khó khăn cho các ngân hàng thương mại, cũng như những cá nhân, tổ chức có nhu cầu vay vốn tại các ngân hàng thương mại.

3.2.2. Hoàn thiện pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm tiền vay tại các Ngân hàng thương mại

Thứ nhất, quy định của pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm.

Theo Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày quy định thi hành bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ quy định khá cụ thể và chặt chẽ về xử lý tài sản bảo đảm gồm:

1. Việc xử lý tài sản bảo đảm phải được thực hiện đúng với thỏa thuận của các bên, quy định của Nghị định này và pháp luật liên quan.

Trường hợp tài sản bảo đảm là quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên khác thì việc xử lý tài sản bảo đảm phải phù hợp theo quy định của pháp luật về khoáng sản, pháp luật về tài nguyên thiên nhiên khác và pháp luật có liên quan.

2. Bên nhận bảo đảm thực hiện việc xử lý tài sản bảo đảm trên cơ sở thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm thì không cần có văn bản ủy quyền hoặc văn bản đồng ý của bên bảo đảm.

3. Trường hợp Bộ luật Dân sự, luật khác liên quan quy định tài sản đang dùng để bảo đảm phải xử lý để bên bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khác thì tài sản này được xử lý theo quy định đó.

4. Việc bên nhận bảo đảm xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ không phải là hoạt động kinh doanh tài sản của bên nhận bảo đảm.

Bên cạnh đó, việc thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm được quy định tại Khoản 1 Điều 51 Chương IX Nghị định 21/2021/NĐ-CP như sau: Thời hạn thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm cho bên bảo đảm phải thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm hoặc thỏa thuận khác. Trường hợp không có thỏa thuận thì phải thực hiện trong thời hạn hợp lý, nhưng trước ít nhất 10 ngày đối với động sản hoặc trước ít nhất 15 ngày đối với bất động sản tính đến thời điểm xử lý tài sản bảo đảm, trừ trường hợp tài sản bảo đảm bị xử lý ngay theo quy định tại khoản 1 Điều 300 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp tài sản bảo đảm là chứng khoán niêm yết, hàng hóa trên sàn giao dịch hàng hóa hoặc động sản khác có thể xác định được giá cụ thể, rõ ràng trên thị trường thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 52 Nghị định này.

Thứ hai, về triển khai việc thu giữ tài sản bảo đảm.

Trong quá trình thu giữ TSBĐ, ngân hàng không chỉ có nhu cầu nhờ chính quyền hỗ trợ giữ gìn an ninh trật tự nơi công cộng mà điều quan trọng là hỗ trợ ngân hàng thực hiện quyền thu giữ TSBĐ.

Thứ ba, về thủ tục xử lý tài sản thế chấp bằng con đường Tòa án.

Như phần trên đã phân tích, thực tiễn cho thấy các ngân hàng yêu cầu tòa án xử lý tài sản thế chấp thông qua thủ tục giải quyết tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

3.2.3. Hoàn thiện pháp luật về phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro

Pháp luật Việt Nam quy định việc đánh giá và xếp loại đối với những khoản tín dụng đã được cấp, tức đối với các khoản nợ (dư nợ) và các cam

kết ngoại bảng, gồm bốn nội dung: qui định hạng đánh giá (cấp độ rủi ro), qui định phương pháp (tiêu chuẩn) đánh giá, và qui định tần suất thực hiện việc đánh giá. Nói cách khác, đây chính là pháp luật về phân loại nợ trong hoạt động tín dụng của các TCTD.

3.2.4. Hoàn thiện các qui định về kiểm soát, kiểm toán nội bộ

Hệ thống kiểm soát và kiểm toán nội bộ có một vai trò quan trọng quyết định sự thành bại của một doanh nghiệp nói chung và tổ chức tín dụng nói riêng. Một ngân hàng có hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ đủ mạnh và hoạt động có hiệu quả sẽ thúc đẩy việc tuân thủ qui trình và các chính sách của ngân hàng và góp phần phản ánh trung thực các thông tin tài chính của ngân hàng thông qua đó có thể có những cảnh báo sớm về các rủi ro tín dụng và đưa ra các biện pháp xử lý kịp thời.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về kiểm soát rủi ro trong cho vay của ngân hàng thương mại

Để kiểm soát rủi ro trong cho vay của NHTM hiệu quả, các NHTM cần thực hiện đồng bộ các biện pháp sau:

Thứ nhất, phải hoàn thiện bộ máy giám sát rủi ro hoạt động của NHTM trên cơ sở hình thành một bộ phận độc lập không tham gia vào quá trình tạo ra rủi ro, có chức năng quản lý, giám sát rủi ro cho các NHTM

Thứ hai, các NHTM phải xây dựng và không ngừng hoàn thiện hệ thống văn bản chế độ quy chế quy trình nghiệp vụ

Thứ ba, cần phải có các giải pháp để đối phó với các yếu tố từ bên ngoài như sự thay đổi về cơ chế, chính sách của Nhà nước, sức ép từ việc thực hiện các cam kết theo thông lệ, các diễn biến phức tạp của xu thế thị trường, tác động tiêu cực của các thông tin truyền thống bất cân xứng

Thứ tư là xây dựng hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại, ổn định. Thường xuyên kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng kịp thời thay bổ sung khi

cần thiết để đảm bảo hoạt động ổn định trong mọi trường hợp.

Thứ năm là cần phải có giải pháp về nguồn nhân lực, trước hết là các NHTM phải xây dựng và hoàn chỉnh được một quy chế tuyển dụng và tuân thủ nghiêm ngặt quy chế này.

Các biện pháp kiểm soát rủi ro tín dụng nhằm kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại tại Việt Nam

Một là, Cần tăng cường phổ biến, tuyên truyền trên sách báo, phương tiện truyền thông về các Chính sách pháp luật của Nhà nước về hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại

Hai là, bản thân các Ngân hàng thương mại cần thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật, tránh tình trạng không coi trọng chính sách, đảm bảo ý nghĩa của quy định pháp luật được nguyên vẹn khi áp dụng vào thực tế. Từ đó cũng giảm bớt những trường hợp các Ngân hàng vì mục tiêu lợi nhuận mà vi phạm pháp luật.

Ba là, cần xây dựng các quy chế đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp với cán bộ ngân hàng, trang bị kỹ thuật phương tiện cho các Ngân hàng thương mại.

Bốn là, cần có những quy định pháp luật cụ thể tạo điều kiện cho ngân hàng thương mại chủ động hơn trong hoạt động kinh doanh của mình, từ đó, cũng nâng cao trách nhiệm của mỗi ngân hàng khi tiến hành nghiệp vụ cho vay.

Năm là, cần cơ cấu lại dư nợ cho vay ngắn hạn với cho vay trung, dài hạn; giữa nguồn huy động vốn ngắn hạn dùng cho vay trung, dài hạn. Hiện nay, cơ cấu tài chính trong nước còn mất cân đối: hệ thống ngân hàng vẫn là kênh cung cấp vốn trung và dài hạn chủ yếu cho nền kinh tế.

KẾT LUẬN

Trong khuôn khổ hạn hẹp của luận văn, những nội dung pháp luật về kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại theo pháp luật Việt Nam được luận văn phân tích làm rõ những vấn đề lý luận và thực trạng ở Việt Nam làm cơ sở để đưa ra đề xuất giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam về vấn đề này. Các giải pháp chủ yếu là hoàn thiện các quy định pháp luật về tỷ lệ đảm bảo an toàn, các quy định pháp luật về bảo đảm tiền vay bằng tài sản và các quy định pháp luật về phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro.

Mặc dù đã có gắng nghiên cứu và tổng hợp các tài liệu, nhưng do kiến thức chưa hoàn thiện nên các biện pháp và giải pháp hoàn thiện pháp luật về hoạt động cho vay và các biện pháp đảm bảo trong hoạt động cho vay của ngân hàng chỉ mang tính chất khuyến nghị và gợi mở, mong quý thầy cô có ý kiến đóng góp để luận văn được hoàn thiện hơn.